

Bài 2. DÂN SỐ VÀ GIA TĂNG DÂN SỐ

I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau bài học, HS cần :

- Biết số dân của nước ta (năm 2002)
- Hiểu và trình bày được tình hình gia tăng dân số, nguyên nhân và hậu quả.
- Biết sự thay đổi cơ cấu dân số và xu hướng thay đổi cơ cấu dân số của nước ta, nguyên nhân của sự thay đổi.
- Có kĩ năng phân tích bảng thống kê, một số biểu đồ dân số.
- Ý thức được sự cần thiết phải có quy mô gia đình hợp lí.

II – MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN CHÚ Ý

– Về diện tích tự nhiên, nước ta thuộc các nước có lãnh thổ vào loại trung bình nhưng về dân số nước ta lại thuộc hàng các nước đông dân trên thế giới (đứng thứ 14 thế giới, thứ 3 ở Đông Nam Á).

Quy mô dân số Việt Nam qua một số năm

Năm	1921	1931	1951	1960	1970	1976	1979	1989	1999	2003
Số dân (Triệu người)	15,58	17,70	22,06	30,17	39,93	41,06	52,46	64,41	76,60	80,90

– Trong một thời gian dài (từ giữa thế kỉ XX trở về trước) do đời sống nhiều khó khăn, chiến tranh, sự chăm sóc y tế có nhiều hạn chế nên dân số nước ta tăng chậm. Tỉ suất sinh cao, tỉ suất tử cũng cao nên tỉ lệ gia tăng tự nhiên thấp. Từ giữa thế kỉ XX, nước ta bước vào thời kì bùng nổ dân số. Đó là do những tiến bộ về chăm sóc y tế, đời sống nhân dân được cải thiện đã làm cho tỉ lệ sinh cao, tỉ lệ tử giảm, dẫn tới tỉ lệ gia tăng tự nhiên cao.

– Nhờ thực hiện tốt chính sách kế hoạch hoá dân số, tỉ lệ gia tăng tự nhiên có xu hướng giảm.

– Nước ta đang chuyển sang giai đoạn mới của quá trình quá độ dân số : tỉ lệ sinh đã tương đối thấp và đang giảm chậm, tỉ suất tử cũng giữ ổn định ở mức tương đối thấp.

– Mặc dù tỉ lệ gia tăng tự nhiên giảm nhưng hằng năm, dân số nước ta vẫn tiếp tục tăng thêm khoảng một triệu người.

Nước ta có cơ cấu dân số trẻ, với tỉ trọng cao của các nhóm tuổi trẻ. Tuy nhiên, dân số nước ta đang có phần "già đi", thể hiện ở sự giảm tỉ trọng của dân số ở nhóm 0 – 14, tăng tỉ trọng dân số trong và trên độ tuổi lao động.

Dân số tăng nhanh, tỉ trọng cao của các nhóm tuổi trẻ đã gây sức ép đối với tài nguyên môi trường, chất lượng cuộc sống và giải quyết việc làm.

III – CÁC PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CẦN THIẾT

- Biểu đồ biến đổi dân số của nước ta (phóng to theo SGK).
- Tranh ảnh về một số hậu quả của dân số tới môi trường, chất lượng cuộc sống.

IV – GỢI Ý TIẾN TRÌNH DẠY BÀI MỚI

1. Gợi ý dạy mục I : Số dân

GV yêu cầu HS dựa vào vốn hiểu biết và SGK, nêu số dân của Việt Nam, trả lời các câu hỏi : Em có suy nghĩ gì về thứ hạng diện tích và dân số của Việt Nam so với các nước trên thế giới ?

2. Gợi ý dạy mục II : Gia tăng dân số

– GV yêu cầu HS quan sát biểu đồ gia tăng dân số của nước ta và trả lời câu hỏi của mục này trong SGK. Khi hướng dẫn HS phân tích biểu đồ, GV nên chia thành các bước khác nhau. Chẳng hạn :

+ Quan sát và nêu nhận xét về sự thay đổi số dân qua chiều cao của các cột để thấy dân số nước ta tăng nhanh liên tục.

+ Quan sát và nhận xét đường biểu diễn tỉ lệ gia tăng tự nhiên để thấy sự thay đổi của nó qua từng giai đoạn và xu hướng thay đổi từ năm 1976 đến năm 2003. Giải thích nguyên nhân thay đổi.

+ Nhận xét mối quan hệ giữa gia tăng tự nhiên với tăng số dân và giải thích.

HS cũng cần đọc phân chữ của mục này để hiểu rõ hơn các ý đã phân tích ở biểu đồ.

– Sau khi phân tích biểu đồ, GV cho HS thảo luận theo các câu hỏi trong SGK (*Dân số đông và tăng nhanh đã gây ra những hậu quả gì ?*) GV cần chú trọng cho HS thảo luận kĩ câu hỏi "*Lợi ích của sự giảm tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số ở nước ta*".

– GV tiếp tục cho HS phân tích bảng số liệu "Tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số ở các vùng, năm 1999" để thấy sự khác nhau giữa các vùng về tỉ lệ gia tăng tự nhiên và nguyên nhân của nó, từ đó thấy rõ hơn ý nghĩa của việc nâng cao dân trí và mức sống của người dân trong việc phát triển một quy mô dân số hợp lí.

3. Gợi ý dạy mục III : Cơ cấu dân số

GV cho HS phân tích bảng 2.2 : Cơ cấu dân số theo giới tính và nhóm tuổi ở Việt Nam. Khi phân tích, GV nên tập trung vào việc giúp HS so sánh, nhận xét về cơ cấu dân số theo độ tuổi và rút ra kết luận về xu hướng thay đổi cơ cấu dân số theo nhóm tuổi, sau đó mới phân tích về tỉ lệ dân số theo giới tính.

Để giúp HS hiểu rõ hơn tỉ số giới tính, GV nên yêu cầu HS đọc phần kênh chữ trong SGK, sau đó GV giải thích thêm về tỉ số giới tính và sự khác nhau về tỉ lệ giới tính ở các vùng của nước ta.

V – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI KHÓ

Câu hỏi 3 cuối bài :

– Bảng số liệu cho biết tỉ suất sinh và tử của dân số nước ta nhưng yêu cầu của bài tập lại là vẽ biểu đồ thể hiện tình hình gia tăng tự nhiên của dân số. Điều đó có nghĩa HS phải vẽ hai đường biểu diễn trên một hệ toạ độ : một đường thể hiện tỉ suất tử, một đường biểu diễn tỉ suất sinh. Khoảng cách giữa hai đường đó chính là tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số.

– Tính tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên : Lấy tỉ suất sinh trừ đi tỉ suất tử của từng năm (chú ý đổi đơn vị ra %).